VN-Index lùi xuống kiểm định SMA10 và SMA20

Thứ Sáu, Ngày 30 Tháng 10 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,741.62	1,855.04	252.74	123.73
▼ -13.99 (-0.80%)	▼ -22.14 (-1.18%)	▼ -3.87 (-1.51%)	▼ -0.37 (-0.30%)
GTKL (TỶ): 11,980	GTKL (TỶ): 6,993	GTKL (TỶ): 532	GTKL (TỶ): 500
SO TB20: -3.8%	SO TB20: -1.2%	SO TB20: -24.2%	SO TB20: +10.0%
NN (TỶ): -633.9	NN (TỶ): -554.0	NN (TỶ): +5.6	NN (TỶ): -13.2

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Sau một vài phiên rung lắc, VN-Index quay đầu giảm gần 14 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại 1,741.62 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng mạnh về phía tiêu cực với 15/18 ngành giảm điểm, trong đó Hóa chất và Hàng cá nhân & gia dụng giảm trên 2%. Ở chiều ngược lại, ba ngành duy trì sắc xanh gồm Tiện ích, Bất động sản và Bảo hiểm, nhưng mức tăng nhìn chung không đáng kể. Về giao dịch của khối ngoại, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên HSX và UPCOM, trong khi mua ròng trên HNX. Sau vài phiên rung lắc, VN-Index lùi xuống kiểm định các đường SMA10 và SMA20. Diễn biến này cho thấy áp lực điều chỉnh ngắn hạn vẫn hiện hữu; khả năng giữ vững các vùng hỗ trợ gần sẽ là yếu tố cần theo dõi trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 30/10/2026, phần lớn các chứng quyền giảm theo cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **-13.99** điểm, đóng cửa tại 1,741.62 điểm. HNX-Index **-3.87** điểm, đóng cửa tại 252.74 điểm. UPCoM-Index **-0.37** điểm, đóng cửa tại 123.73 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (**+1.58**), GAS (**+1.04**), VBB (**+0.08**), GMD (**+0.06**), DXG (**+0.06**).
- Kéo chỉ số giảm: VCB (**-1.56**), TCB (**-1.09**), MBB (**-0.83**), LPB (**-0.73**), BID (**-0.73**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 11,980 tỷ đồng, giảm 3.99% so với phiên trước và thấp hơn 3.8% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 14,702 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.7 điểm. Sàn HOSE có 72 mã tăng (2 mã trần), 78 mã tham chiếu, 252 mã giảm (6 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-633.92** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VIC (**-353.68** tỷ), TCB (**-133.23** tỷ), MBB (**-42.60** tỷ), VPL (**-38.36** tỷ), VNM (**-30.70** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 6 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-121,905** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **+5.61** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-13.22** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
VHM	68.74	VIC	-353.68
VCB	37.54	TCB	-133.23
VJC	31.16	MBB	-42.60
BVH	30.34	VPL	-38.36
GAS	27.23	VNM	-30.70

HOSE luỹ kế năm: **-121,905** tỷ 6 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,720	-0.30%	+0.74%
FTSE100	10,722	+0.26%	-0.03%
Eurostoxx	6,207	+0.64%	+1.97%
Shanghai	3,599	-1.44%	-2.48%
Nikkei	63,290	-2.12%	+0.95%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	116.72	+1.60%	0.00%
Giá vàng	3,990	-0.77%	-0.14%
USD/VND	25,802	-0.06%	-0.15%
EUR/VND	28,885	+0.07%	-0.23%
JPY/VND	164	+0.19%	-0.43%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	-0.2 bps	-0.1 bps
VN LS LNH 1M	5.62%	+39.2 bps	+55.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VHM	63.00	+1.45%	+1.58	14.44
GAS	78.00	+2.63%	+1.04	0.99
VBB	12.70	+2.42%	+0.08	0.04
GMD	52.70	+1.15%	+0.06	1.18
DXG	10.10	+2.23%	+0.06	13.51

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VCB	56.30	-1.57%	-1.56	3.75
TCB	21.60	-3.36%	-1.09	18.37
MBB	19.30	-2.03%	-0.83	9.99
LPB	36.10	-3.22%	-0.73	2.36
BID	33.40	-1.33%	-0.73	3.33

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
DHT	50.00	+2.25%	+0.06	0.01
HTC	35.00	+9.38%	+0.03	0.00
HJS	26.60	+9.47%	+0.03	0.00
CAR	80.40	+9.99%	+0.03	0.14
NTP	54.00	+0.37%	+0.02	0.21

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	14.00	-3.45%	-0.82	0.69
THD	91.20	-2.56%	-0.52	0.01
KSV	109.50	-2.41%	-0.46	0.05
IDC	34.20	-3.93%	-0.33	0.93
VIF	14.50	-8.23%	-0.24	0.01

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VHM	63.00	+1.45%	+1.10	14.44
GAS	78.00	+2.63%	+0.39	0.99
SAB	42.40	+0.24%	+0.02	0.48
VIC	241.00	0.00%	0.00	5.07
DGC	33.30	0.00%	0.00	–

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
MWG	74.00	-2.37%	-3.45	6.95
MSN	70.00	-2.91%	-3.16	5.41
LPB	36.10	-3.22%	-2.40	2.36
TCB	21.60	-3.36%	-2.17	18.37
HPG	21.00	-0.94%	-1.79	29.10

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
VSI	18.40	+6.98%	0.00
SGN	60.70	+6.87%	0.15
KOS	4.06	+6.84%	75.68
HTL	21.15	+6.82%	0.02
APG	3.96	+6.74%	0.42

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
HAS	8.11	-7.00%	0.01
GIL	8.65	-6.99%	0.49
KSB	12.75	-6.93%	1.67
HII	9.27	-6.93%	0.26
BKG	1.89	-6.90%	0.60

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
HEV	6.60	+10.00%	0.00
MEL	7.70	+10.00%	0.01
CAR	80.40	+9.99%	0.14
SMT	8.90	+9.88%	0.00
SGH	18.00	+9.76%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
NAP	10.00	-9.09%	0.00
ONE	9.00	-9.09%	0.00
PPT	6.00	-9.09%	0.17
THB	8.10	-8.99%	0.00
GLT	20.40	-8.52%	0.00

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên

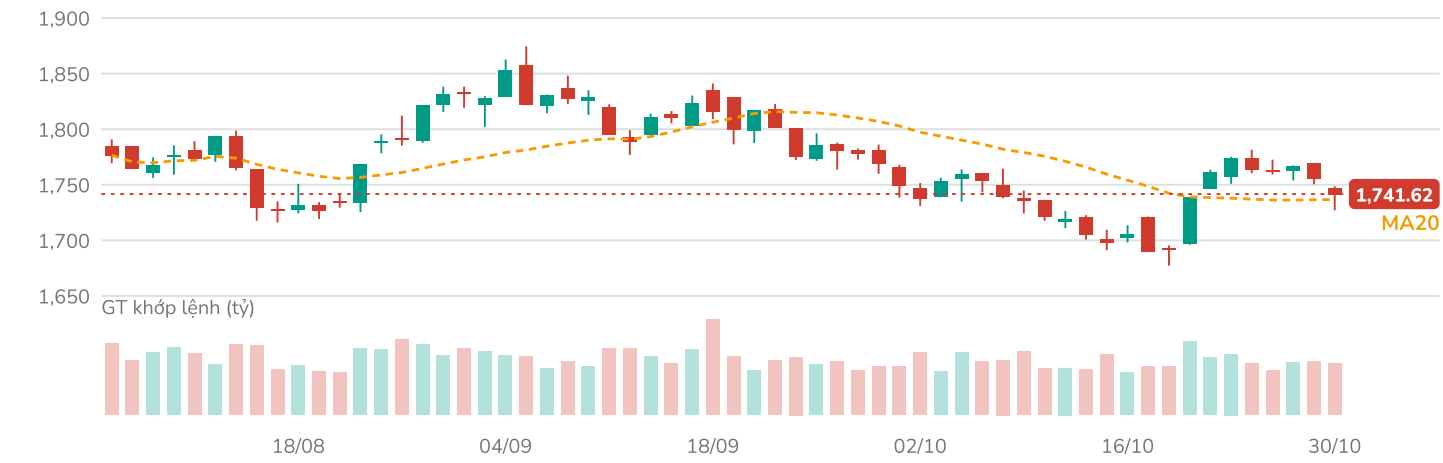

MA20 = 1,736.69 TB20 GT khớp lệnh: 12,458 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2

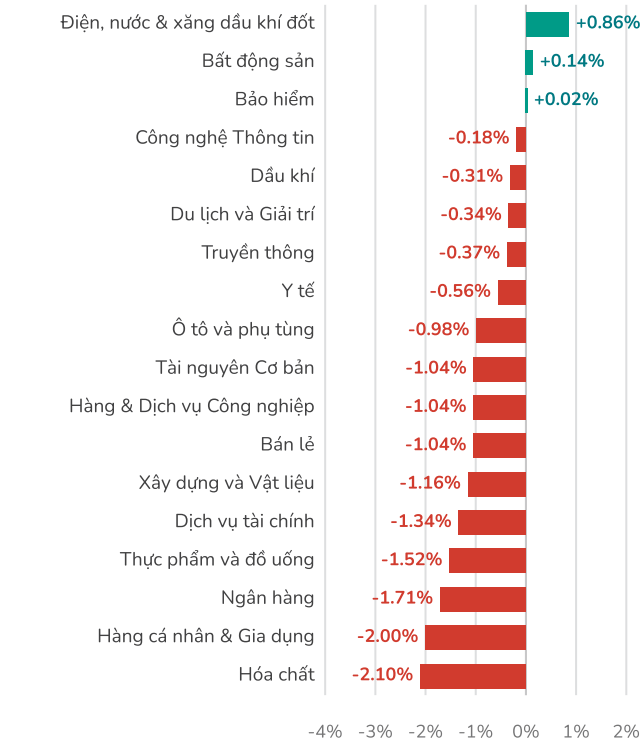

Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Bảo hiểm	+0.02%	64	30.4
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	+0.86%	190	18.3
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.00%	186	8.8
Dầu khí	-0.31%	321	6.6
Du lịch và Giải trí	-0.34%	259	-9.5
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.04%	823	-64.7
Thực phẩm và đồ uống	-1.52%	844	-69.5
Dịch vụ tài chính	-1.34%	1,422	-69.9
Ngân hàng	-1.71%	4,536	-220.5
Bất động sản	+0.14%	3,409	-260.6

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-1.18%	9,198	-554.0
VNMID	-1.38%	4,492	-17.1
VNSML	-1.00%	837	-47.7

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)

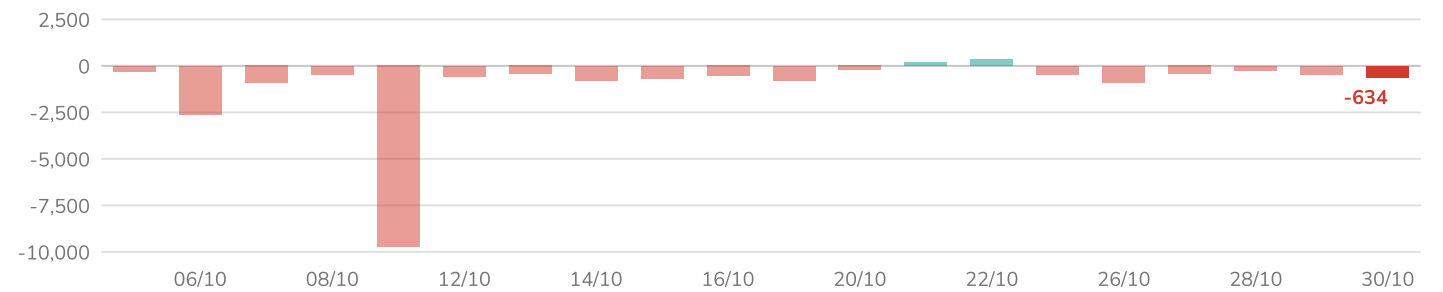

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.35%**. Các mã diễn biến tích cực: VHM (+1.45%), HCM (+0.65%).
- BSC50 **-1.57%**. Các mã diễn biến tích cực: GAS (+2.63%), DXG (+2.23%), HAH (+1.22%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-1.35%	-1.57%	-0.80%	-1.18%
1 tuần	-3.40%	-4.15%	-1.83%	-2.73%
1 tháng	-0.36%	-0.18%	+0.23%	-1.12%
3 tháng	+0.49%	-0.43%	+0.34%	-0.91%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	74.0	-2.37%	1.0	109,201	540.1	7,556	9.8	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.0	-1.89%	0.9	24,486	33.1	1,859	14.0	42.4	6.2%	Link
KDH	Bất động sản	13.9	-0.71%	1.0	17,310	46.7	1,424	9.8	39.9	23.1%	Link
PDR	Bất động sản	11.3	-0.88%	1.1	11,275	44.6	619	18.2	28.2	7.0%	Link
VHM	Bất động sản	63.0	+1.45%	1.7	517,534	899.4	12,039	5.2	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	52.7	0.00%	0.7	99,378	303.2	5,479	9.6	124.4	26.9%	Link
BSR	Dầu khí	27.6	-0.18%	–	138,201	154.3	3,974	6.9	–	1.6%	Link
PVS	Dầu khí	30.5	0.00%	0.8	18,718	52.5	3,417	8.9	52.3	15.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.2	+0.65%	0.8	31,829	83.0	1,069	21.7	–	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.3	-1.53%	1.0	57,925	343.0	1,752	11.0	–	29.9%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	18.5	-2.63%	0.8	21,316	116.5	1,249	14.8	–	14.6%	Link
DCM	Hóa chất	33.3	-2.63%	0.8	17,629	30.8	5,132	6.5	53.3	7.1%	Link
DGC	Hóa chất	33.3	0.00%	1.0	12,647	8.5	4,883	6.8	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	21.0	-1.41%	0.6	121,893	173.1	2,773	7.6	27.1	22.2%	Link
BID	Ngân hàng	33.4	-1.33%	0.9	259,793	111.7	4,250	7.9	–	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	30.3	-1.30%	0.9	235,338	131.2	5,172	5.9	53.5	24.4%	Link
HDB	Ngân hàng	22.4	-1.32%	0.9	145,754	1,322.3	2,942	7.6	32.7	19.2%	Link
MBB	Ngân hàng	19.3	-2.03%	0.9	194,327	194.2	3,218	6.0	32.4	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	15.8	-1.56%	0.8	59,155	193.6	1,573	10.0	14.0	6.2%	Link
STB	Ngân hàng	66.3	-0.90%	0.7	124,990	393.8	809	81.9	–	10.3%	Link
TCB	Ngân hàng	21.6	-3.36%	1.0	229,594	401.5	2,694	8.0	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	12.7	-1.94%	0.9	40,355	104.5	2,376	5.3	–	21.7%	Link
VCB	Ngân hàng	56.3	-1.57%	0.8	470,425	212.6	4,984	11.3	–	19.9%	Link
VIB	Ngân hàng	13.8	-1.43%	0.7	51,548	163.7	2,071	6.7	23.0	3.9%	Link
VPB	Ngân hàng	22.9	-1.08%	0.9	229,500	375.9	3,118	7.4	36.5	22.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.4	-2.53%	0.8	6,638	50.2	2,348	6.6	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	70.0	-2.91%	0.9	102,226	383.4	6,243	11.2	100.4	24.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.9	-1.39%	0.5	118,918	170.9	5,246	10.8	78.0	49.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.0	-0.94%	0.8	177,302	622.8	3,251	6.5	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.8	-2.69%	0.8	8,759	29.3	813	13.3	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	41.0	-3.65%	0.9	9,147	59.9	4,269	9.6	28.6%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	148.7	+0.68%	0.8	26,590	86.9	7,598	19.6	33.8%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	69.0	0.00%	0.8	51,220	62.6	4,472	15.4	27.2%	–	Link
DIG	Bất động sản	9.6	-2.45%	1.0	8,062	51.5	987	9.7	2.5%	–	Link
DXG	Bất động sản	10.1	+2.23%	0.9	12,808	136.7	92	110.2	14.7%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	11.2	+0.45%	1.1	2,584	34.7	690	16.3	1.9%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	34.2	-3.93%	0.8	14,277	32.0	4,365	7.8	15.0%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	22.0	-4.35%	0.9	10,672	23.4	1,407	15.6	35.3%	–	Link
SIP	Bất động sản	48.4	-1.33%	0.8	11,706	3.7	5,867	8.2	2.2%	–	Link
SZC	Bất động sản	19.3	-0.52%	0.9	3,474	17.9	891	21.7	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	11.8	-2.87%	1.1	11,889	171.2	793	14.9	9.5%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	241.0	0.00%	1.9	1,870,687	1,201.0	5,557	43.4	3.1%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	24.1	-0.41%	1.5	54,649	60.3	3,255	7.4	11.1%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	18.5	-2.12%	0.8	4,309	3.5	1,692	10.9	35.7%	–	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	131.6	0.00%	0.7	101,213	147.6	2,830	46.5	5.2%	–	Link
PLX	Dầu khí	34.0	0.00%	0.8	43,992	59.8	2,522	13.5	14.2%	–	Link
PVD	Dầu khí	17.9	-2.18%	0.6	16,653	107.7	976	18.4	8.2%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	17.9	-5.04%	1.1	6,818	16.5	1,054	17.0	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.0	-1.96%	1.1	15,014	31.6	1,562	9.6	0.3%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.2	-3.48%	1.2	29,048	244.6	762	29.1	5.9%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.7	+1.15%	0.8	34,220	61.9	3,991	13.2	38.2%	–	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.6	+1.22%	0.6	9,525	23.2	6,594	7.5	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.2	-0.23%	0.7	10,985	101.4	2,977	7.1	16.6%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.8	-1.08%	0.7	9,246	11.1	2,174	21.1	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.5	-3.43%	1.0	7,932	148.9	4,780	3.2	26.0%	–	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.2	-3.49%	0.8	1,788	12.7	1,872	8.1	48.2%	–	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.9	-5.79%	0.8	2,304	41.9	3,692	4.8	21.7%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	20.4	-2.39%	0.7	13,870	68.4	2,320	8.8	3.2%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	31.2	-2.19%	1.1	125,000	40.7	1,751	17.8	0.5%	–	Link
EIB	Ngân hàng	16.1	-4.17%	1.1	29,990	164.7	264	61.0	1.0%	–	Link
LPB	Ngân hàng	36.1	-3.22%	0.7	107,841	85.7	4,048	8.9	1.5%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.7	0.00%	0.5	27,309	27.0	2,243	5.6	1.0%	–	Link
OCB	Ngân hàng	10.6	-1.40%	0.7	32,463	25.3	1,482	7.2	18.9%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.0	-5.33%	1.1	4,260	22.5	2,961	5.4	1.6%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.6	+0.66%	0.6	12,404	43.4	256	119.5	3.1%	–	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.4	+0.24%	0.6	54,381	20.5	3,623	11.7	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.3	-2.33%	0.7	10,535	13.1	6,485	7.8	17.5%	–	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	11.9	-1.65%	0.8	5,859	72.7	494	24.1	4.7%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	137.5	+0.73%	0.4	11,256	8.0	15,292	9.0	82.0%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	64.0	-1.08%	0.9	7,157	27.3	7,050	9.1	46.6%	–	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	67.4	-0.88%	0.8	8,635	9.5	5,223	12.9	5.4%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	28.9	-4.47%	0.9	3,421	25.9	3,735	7.7	18.4%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.3	-1.69%	0.8	5,343	25.0	1,164	8.0	10.0%	–	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	18.5	-1.86%	0.5	7,609	11.5	2,705	6.8	8.4%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	14.8	-3.27%	0.7	10,333	49.7	1,607	9.2	2.0%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	42.2	-0.24%	0.9	18,920	23.7	4,003	10.5	0.9%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	78.0	+2.63%	0.8	188,210	75.0	5,269	14.8	2.1%	–	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.0	-1.96%	0.9	6,104	11.4	2,298	6.5	15.7%	–	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.2	-1.61%	0.8	37,428	48.9	2,049	6.0	4.1%	–	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	45.4	-0.22%	0.5	28,302	11.2	4,420	10.3	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 10.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
2	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
3	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
4	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
5	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		–
6	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
7	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
8	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
9	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
10	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
11	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
12	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
13	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
14	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
16	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
17	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
18	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
19	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
20	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
21	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
22	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
23	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem
24	Equity 360 | Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn